

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 19/01/2022

V/v: “*Tranh chấp về di sản
thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Ái;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thắng;

Ông Nguyễn Bá Điền.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Kim Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021 về chia thừa kế theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Quốc T (tên gọi khác Trần H) - SN: 1950;

Địa chỉ: Tổ dân phố *, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Người được ủy quyền: anh Trần Văn T (tức Trần Văn Th) - SN:1976.

Địa chỉ: Khu **, xã C, huyện B, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

Bị đơn: ông Trần Hồng Q – sinh năm 1966;

Địa chỉ: Khu **, xã C, huyện B, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị Hương G, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu **, xã C, huyện B, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

2. Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1954.

Hiện đang ở Đài Loan.

3. Ông Trần Đại N, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu **, xã C, huyện B, tỉnh Phú Thọ(Có mặt)

4. Anh Trần Văn T (tức Trần Văn Th), sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu **, xã C, huyện B, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

5. Ông Hà Công B, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Tổ ***, khu *, phường V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

6. Chị Hà Thị T1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu *, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

7. Chị Hà Thị Thu T2, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu *, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

8. Anh Hà Mạnh T3, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ ***, khu *, phường V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo uỷ quyền của chị Hà Thị T1, chị Hà Thị Thu T2, anh Hà Mạnh T3: Ông Hà Công B, sinh năm 1956. Địa chỉ: Tổ ***, khu *, phường V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Trần Văn T (tức Th) trình bày:

Bố tôi là ông Trần Quốc A (đã chết năm 2013), mẹ tôi là bà Lê Thị T4 (đã chết năm 2016). Bố mẹ tôi sinh được 6 người con là Trần Quốc T (tức Trần H); Trần Thị H1 (đã chết năm 2018), bà H1 có chồng là ông Hà Công B và 03 người con là Hà Thị T1, Hà Thị Thu T2 và Hà Mạnh T3; bà Trần Thị H (tên gọi khác: Trần Thị Thu H) hiện nay đang ở Đài Loan; ông Trần Đại N; Trần Hồng Q và tôi.

Bố mẹ tôi chết để lại thừa đất số 282, tờ bản đồ số 26 diện tích 1475m² (trong đó có 400m² đất ở, 1075m² đất vườn) và thửa đất số 245-1 tờ bản đồ số 26 diện tích 663m² đất lúa. Cùng địa chỉ: Khu **, xã C, huyện B, tỉnh Phú Thọ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P742*** do UBND huyện B cấp ngày 18/11/1999 cho hộ bà Lê Thị T4. Trên đất có nhà cấp 4 ba gian, hai gian bếp tổng diện tích là 110m², 01 án gián, giường tủ bàn ghế đồ dùng trong nhà, máy bơm, giếng đào năm 1970. Sau khi bố mẹ tôi mất, anh em chúng tôi đã họp gia đình và tạm giao tài sản của bố mẹ cho ông Trần Hồng Q là con trai thứ 5 quản lý tạm thời cho đến khi sang cát cho mẹ tôi thì các anh em sẽ họp lại và tính tiếp, khi đó ai là người trực tiếp cai quản sẽ được giao sau. Năm 2019 ông Q đã tự ý đập phá nhà cửa, xây mới nhà ở và tường rào và cho rằng đây là đất của ông Q không có chúng tôi tham gia vì ông Q cho rằng đất bố mẹ đã bán cho ông.

Nay tôi làm đơn đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là thửa đất số 282, tờ bản đồ số 26 diện tích 1475m² (trong đó có 400m² đất ở, 1075m² đất vườn) và thửa đất số 245-1 tờ bản đồ số 26 diện tích 663m² đất lúa. Cùng địa chỉ: Khu **, xã C, huyện B, tỉnh Phú Thọ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P742*** do

UBND huyện B cấp ngày 18/11/1999 cho hộ bà Lê Thị T4. Các tài sản khác trên đất tôi không đề nghị

Bị đơn ông Trần Hồng Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Hương G trình bày: Về lời trình bày (quan hệ gia đình) của anh Trần Văn T: bố mẹ tôi là ông Trần Quốc A (chết năm 2013) và bà Lê Thị T4 (chết năm 2016) có 06 người con như ông T5 trình bày là đúng.

Năm 2007 bố mẹ tôi có vay hộ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh huyện B số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để anh Thọ đi lao động tại Malaysia. Sau đó anh Thọ đi làm ăn ở Malaysia bị thua lỗ về Việt Nam không trả được nợ bố mẹ tôi phải gọi người để bán nhà đất để trả nợ Ngân hàng. Bố mẹ tôi có gọi anh Nghĩa để bán nhà đất nhưng anh Nghĩa không mua. Bố mẹ tôi đã gọi vợ chồng tôi lên để bán nhà cho vợ chồng tôi với điều kiện phải cho bố mẹ ở nhờ cho đến lúc chết, ốm đau thì vợ chồng tôi phải chăm sóc, chết phải làm ma cho bố mẹ tôi. Vợ chồng tôi đã nhất trí mua với giá 30.000.000đ (Bố mẹ tôi đã nhận đủ tiền) và có nghĩa vụ chăm sóc bố mẹ tôi cho đến khi bố mẹ tôi chết.

Bố mẹ tôi có viết di chúc đề ngày 16/5/2007 và có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 06/6/2007, di chúc này bố mẹ tôi viết chỉ để giao cho vợ chồng tôi có trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ khi già yếu bệnh tật, khi bố mẹ qua đời phải lo chôn cất, cúng giỗ, lo mồ mả cho tổ tiên. Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất ngày 05/6/2007 bố mẹ tôi đã chuyển quyền cho vợ chồng tôi và vợ chồng tôi có trách nhiệm với bố mẹ tôi cho đến khi bố mẹ tôi chết. Từ năm 2007 bố mẹ tôi ở cùng vợ chồng tôi, khi bố mẹ tôi ốm đau vợ chồng tôi lo, khi bố mẹ tôi chết vợ chồng tôi lo làm ma chay tại đây.

Ngày 31/5/2007 bố mẹ tôi có chuyển quyền sử dụng nhà đất cho vợ chồng tôi có xác nhận của khu, địa chính xã và UBND xã C xác nhận (xác nhận ngày 06/6/2007).

Từ đó cho đến nay vợ chồng tôi sống ổn định không có tranh chấp với ai và có xây nhà mái bằng trên phần diện tích đất trên. Nay, ông Trần Quốc T làm đơn đề nghị chia di sản thừa kế là toàn bộ tài sản là thửa đất số 282, tờ bản đồ số 26 diện tích 1475m² (trong đó có 400m² đất ở, 1075m² đất vườn) và thửa đất số 245-1 tờ bản đồ số 26 diện tích 663m² đất lúa. Cùng địa chỉ: Khu **, xã C, huyện B, tỉnh Phú Thọ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P742*** do UBND huyện B cấp ngày 18/11/1999 cho hộ bà Lê Thị T4. Quan điểm của vợ chồng tôi không nhất trí vì toàn bộ tài sản trên bố mẹ tôi đã chuyển nhượng (tặng cho) lại cho vợ chồng tôi theo như Đơn xin chuyển quyền sử dụng nhà đất ngày 06/6/2007. Đề nghị tòa án xét xử xác nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản cho vợ chồng tôi như nội dung bản di chúc và giấy chuyển quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Đại N trình bày: Tôi nhất trí với quan điểm của anh Trần Văn T. Đề nghị Toà án chia di sản thừa kế là thửa đất số 282, tờ bản đồ số 26 diện tích 1475m² (trong đó có 400m² đất ở, 1075m² đất vườn) và thửa đất số 245-1 tờ bản đồ số 26 diện tích 663m² đất lúa. Cùng địa chỉ: Khu **, xã C, huyện B, tỉnh Phú Thọ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P742*** do UBND huyện B cấp ngày 18/11/1999 cho hộ bà Lê Thị T4. Các tài sản khác trên đất tôi không đề nghị.

Tại di chúc viết tay ngày 31 tháng 5 năm 2007 và Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất ngày 05/6/2007 do bố tôi là Ông Trần Quốc A viết, có chữ ký của mẹ tôi là bà Lê Thị T4. Tại buổi làm việc ngày hôm nay tôi được tiếp cận các tài liệu chứng cứ này và xác nhận chữ ký, chữ viết của bố mẹ tôi là hoàn toàn đúng, tôi không có ý kiến gì.

2. Chị Hà Thị T1, chị Hà Thị Thu T2, anh Hà Mạnh T3 (người đại diện theo uỷ quyền là ông Hà Công B) trình bày:

Tôi là chồng của bà Trần Thị H1 (mất năm 2018), tôi và bà H1 có 3 người con là Hà Thị T1, Hà Thị Thu T2 và Hà Mạnh T3. Bố mẹ vợ tôi trước khi chết có tài sản là thửa đất số 282, tờ bản đồ số 26 diện tích 1475m² (trong đó có 400m² đất ở, 1075m² đất vườn) và thửa đất số 245-1 tờ bản đồ số 26 diện tích 663m² đất lúa. Cùng địa chỉ: Khu **, xã C, huyện B, tỉnh Phú Thọ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P742*** do UBND huyện B cấp ngày 18/11/1999 cho hộ bà Lê Thị T4. Ngày 31/5/2007 bố mẹ vợ tôi đã viết di chúc và đơn xin chuyển quyền sử dụng nhà đất viết ngày 16/5/2007, nội dung di chúc chuyển quyền (tặng cho) sử dụng nhà đất của bố mẹ vợ tôi cho anh Trần Hồng Q và chị Đỗ Thị Hương G lấy số tiền 30.000.000đ để cho anh Trần Văn T trả nợ. Toàn bộ di chúc và đơn xin chuyển quyền (tặng cho) sử dụng đất có xác nhận của chính quyền địa phương. Nay anh Trần Quốc T (tức Trần H) làm đơn chia di sản thừa kế của bố mẹ vợ tôi, tôi đồng ý theo di chúc do bố mẹ vợ tôi đã viết nội dung là đã tặng cho vợ chồng anh Q, chị G. Trường hợp nếu phải chia theo thừa kế, phần của tôi và 03 con tôi được hưởng tôi nhất trí cho vợ chồng anh Q, chị G. Vì sức khoẻ đi lại khó khăn nên ông đề nghị Toà án được vắng mặt tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như tại phiên toà xét xử. Ngoài ra ông B không có ý kiến gì khác.

3. Bà Trần Thu Hương trình bày:

Bố tôi là ông Trần Quốc A (chết năm 2013), mẹ tôi là bà Lê Thị T4 (chết năm 2016). Bố mẹ tôi sinh được 6 người con là Trần Quốc T (tức Trần H); Trần Thị H1 (đã chết năm 2018), bà H1 có chồng là ông Hà Công B và 03 người con là Hà Thị T1, Hà Thị Thu T2 và Hà Mạnh T3; ông Trần Đại N; ông Trần Hồng Q; ông Trần Văn T và Tôi. Bố mẹ tôi chết để lại thửa đất số 282, tờ bản đồ số 26 diện

tích 1475m² (trong đó có 400m² đất ở, 1075m² đất vườn) và thửa đất số 245-1 tờ bản đồ số 26 diện tích 663m² đất lúa. Cùng địa chỉ: Khu **, xã C, huyện B, tỉnh Phú Thọ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P742*** do UBND huyện B cấp ngày 18/11/1999 cho hộ bà Lê Thị T4. Nay ông Trần Quốc T làm đơn yêu cầu chia di sản thừa kế quan điểm của tôi tự nguyện từ chối nhận di sản trên. Nếu phải chia di sản thừa kế theo pháp luật phần thừa kế của tôi được hưởng tôi nhất trí cho vợ chồng ông Q, chị G. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác. Trên đây là toàn bộ quan điểm trình bày của tôi, do tôi không thể về Việt Nam được nên tôi đề nghị Toà án cho tôi được vắng mặt tại tất cả các phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như tại phiên toà xét xử. Tôi đề nghị được từ chối tham gia tố tụng tại Toà án. Tôi giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên, không thay đổi bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc T đối với việc đề nghị Toà án chia di sản thừa kế tại Bài phát biểu như Kiểm sát viên đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở những ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp chia di sản thừa kế đồng thời các đương sự trong vụ án thừa nhận người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Thu H hiện nay đang ở Đài Loan. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là “Tranh chấp về di sản thừa kế”.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự; Hội đồng xét xử xác định như sau:

Ông Trần Quốc A (đã chết năm 2013), bà Lê Thị T4 (đã chết năm 2016). sinh được 6 người con là Trần Quốc T (tức Trần H); Trần Thị H1 (đã chết năm 2018), bà H1 có chồng là ông Hà Công B và 03 người con là Hà Thị T1, Hà Thị Thu T2 và Hà Mạnh T3; Trần Thị H (tên gọi khác: Trần Thị Thu H) hiện nay đang ở Đài Loan; Trần Đại N; Trần Hồng Q và Trần Văn T.

Ông T đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là thửa đất số 282, tờ bản đồ số 26 diện tích 1475m² (trong đó có 400m² đất ở, 1075 m² đất vườn) và thửa đất số 245-1 tờ bản đồ số 26 diện tích 663m² đất lúa. Cùng địa chỉ: Khu **, xã C, huyện B, tỉnh Phú Thọ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P742*** do UBND huyện B cấp ngày 18/11/1999 cho hộ bà Lê Thị T4.

Ông Q cho rằng diện tích đất của bố mẹ ông đã bán cho vợ chồng ông với giá 30.000.000đ (Bố mẹ ông đã nhận đủ tiền). Ngày 16/5/2007 bố mẹ ông có đơn xin chuyển quyền sử dụng nhà đất cho vợ chồng ông có xác nhận của khu, địa chính xã và UBND xã C xác nhận (xác nhận ngày 06/6/2007). Trước đó bố mẹ ông có viết di chúc đề ngày 31/5/2007 và có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 05/6/2007, di chúc này bố mẹ ông viết chỉ để giao cho vợ chồng ông có trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ.

Năm 2016, sau khi cụ T4 mất, ông Q làm đơn đề nghị chuyển quyền sử dụng đất nhưng do Ông T, ông N, ông T5 không đồng ý nên chưa làm được.

Ông T, ông N, ông T5 cho rằng: Khi cụ T4 mất, tất cả 06 anh em đã họp bàn và thống nhất tạm thời giao toàn bộ khu đất và tài sản trên đất cho ông Q bảo quản và thu hoạch lấy kinh phí sau này đổi mả cho hai cụ về nghĩa trang riêng của gia đình, xong rồi mới họp bàn phân chia hoặc giao cho ai mới thống nhất. Nhưng ông Q đã tự ý thay đổi hiện trạng thửa đất xây nhà khác thay thế nhà hương hỏa của cha mẹ đồng thời tuyên bố toàn bộ tài sản trên là của ông Q. Ông T cho rằng di chúc do ông Q ép buộc bố ông phải viết giao nhà và đất cho Q, mặc dù bố ông là cán bộ trung cấp nhà báo về hưu Nhà nước đã cấp đất nhà ở theo chế độ ở nơi khác. Đất này là tài sản duy nhất do bà Lê Thị T4 đứng tên không có đồng sở hữu với ai nên không có bất kỳ ai được cho ai hay mua bán đổi trác mọi giấy tờ do bố ông bị ép buộc viết đều không hợp lệ. Nhưng không đưa ra căn cứ để chứng minh.

Ông Hà Công B là chồng của bà Trần Thị H1 (mất năm 2018) (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Thuận, chị Thuỷ, anh Thắng là các con của ông B và bà H1 cho rằng: Bố mẹ vợ ông trước khi chết có tài sản là thửa đất số 282, tờ bản đồ số 26 diện tích 1475m² và thửa đất số 245-1 tờ bản đồ số 26 diện tích 663m² đất lúa. Cùng địa chỉ: Khu **, xã C, huyện B, tỉnh Phú Thọ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Lê Thị T4. Ngày 31/5/2007 bố mẹ vợ ông đã viết di chúc và đơn xin chuyển quyền sử dụng nhà đất viết ngày 16/5/2007, nội dung di chúc chuyển quyền (tặng cho) sử dụng nhà đất của bố mẹ vợ ông cho anh Trần Hồng Q và chị Đỗ Thị Hương G lấy số tiền 30.000.000đ để cho anh Trần Văn T trả nợ. Toàn bộ di chúc và đơn xin chuyển quyền (tặng cho) sử dụng đất có xác nhận của chính quyền địa phương. Nay anh Trần Quốc T (tức Trần H) làm đơn chia di sản thừa kế của bố mẹ vợ ông, ông đồng ý theo di chúc do

bố mẹ vợ ông đã viết nội dung là đã tặng cho vợ chồng anh Q, chị G. Trường hợp nếu phải chia theo thừa kế, phần của ông và 03 con được hưởng tối nhất trí cho vợ chồng anh Q, chị G.

Bà Trần Thu Hương có đơn đề nghị thể hiện: bà là người thừa kế hợp pháp theo pháp luật của ông Trần Quốc A và bà Lê Thị T4. Nay bà tự nguyện từ chối nhận di sản mà tôi được hưởng theo thừa kế, trường hợp nếu phải chia thừa kế, phần của bà được hưởng sẽ cho vợ chồng anh Q, chị G.

Xét Bản di chúc viết tay ngày 31 tháng 5 năm 2007 của cụ A và cụ T4 và Đơn xin chuyển quyền sử dụng nhà đất ngày 05/6/2007 do cụ Trần Quốc A viết, có chữ ký của cụ Lê Thị T4 đều có nội dung: Cụ A và cụ T4 thống nhất chuyển quyền sử dụng nhà và đất của hai cụ (gồm nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 110m², nằm trên diện tích 400m² đất thổ cư và 1475m² đất vườn tại tờ bản đồ số 26, thửa 282 đã được cấp GCNQSDĐ) cho vợ chồng ông Q và bà G lấy số tiền 30.000.000đ giúp anh Thọ trả nợ. Vợ chồng ông Q cam kết để hai cụ sử dụng nhà và đất, thu hoa lợi đến khi cả hai cụ qua đời mới tiếp quản. Di sản còn lại chỉ còn 663m² ruộng cấy lúa, bố mẹ nhất trí để ông thừa kế khi bố mẹ qua đời để ông Q thu hoa lợi chi tiêu vào việc cúng giỗ tổ tiên. Di chúc và đơn xin chuyển quyền sử dụng đất đều được trưởng khu hành chính và địa chính xã xác nhận. Bản Di chúc và đơn xin chuyển quyền sử dụng đất đều do cụ A viết tay, thể hiện rõ ràng quan điểm của mình, được trưởng khu hành chính và địa chính xã xác nhận. Di chúc của cụ A và cụ T4 đảm bảo quy định BLDS 2005. Bên cạnh đó, các đương sự đều xác nhận chữ ký, chữ viết của cụ A và cụ T4 trong bản Di chúc và đơn xin chuyển quyền sử dụng đất là hoàn toàn đúng, không có ý kiến gì

Sau khi tạm ngừng phiên toà để xác minh nguồn gốc thửa đất số 245-1, tờ bản đồ 26, diện tích 663,0m² loại đất chuyên trồng lúa đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên cụ T4, được UBND xã C xác nhận: thửa đất trên thuộc quyền sử dụng và sở hữu riêng của bà Lê Thị T4 và ông Trần Trọng A (Trần Quốc A). Như vậy có căn cứ xác định bản Di chúc và đơn xin chuyển quyền sử dụng đất của cụ A và cụ T4 có hiệu lực pháp luật. *Yêu cầu khởi kiện của Ông T không có căn cứ chấp nhận.*

Cần xác nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản cho vợ chồng anh Q chị G như nội dung bản di chúc và giấy chuyển quyền sử dụng đất là phù hợp.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản:

Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản do yêu cầu của Nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận. Tổng là 20.000.000 đồng. Xác nhận ông T5 là người được ủy quyền của Ông T đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, tổng là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên bị đơn là ông Q tự nguyện xin chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, là 10.000.000 đồng cần chấp nhận là phù hợp.

[4] Về án phí: Ông Trần Quốc T (tức Trần H) 60 tuổi, thuộc đối tượng được miễn án phí. Ông Trần Quốc T (tức Trần H) có đơn đề nghị xin được miễn toàn bộ án phí của. Vì vậy miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Trần Quốc T (tức Trần H) là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 37; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều Điều 647, 649, 650, 652, 663, 668 Bộ luật dân sự 2005. Điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Quốc T (tức Trần H) chia di sản thừa kế là toàn bộ tài sản là thửa đất số 282, tờ bản đồ số 26 diện tích 1475m² (trong đó có 400m² đất ở, 1075 m² đất vườn) và thửa đất số 245-1 tờ bản đồ số 26 diện tích 663m² đất lúa. Cùng địa chỉ: Khu **, xã C, huyện B, tỉnh Phú Thọ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P742*** do UBND huyện B cấp ngày 18/11/1999 cho hộ bà Lê Thị T4.

[2] Xác nhận vợ chồng ông Trần Hồng Q và bà Đỗ Thị Hương G sử dụng diện tích đất thửa đất số 282, tờ bản đồ số 26 diện tích 1475m² (trong đó có 400m² đất ở, 1075m² đất vườn) và thửa đất số 245-1 tờ bản đồ số 26 diện tích 663m² đất lúa. Cùng địa chỉ: Khu **, xã C, huyện B, tỉnh Phú Thọ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P742*** do UBND huyện B cấp ngày 18/11/1999 cho hộ bà Lê Thị T4 (có sơ đồ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 15/9/2021 kèm theo) và được sở hữu toàn bộ tài sản cây cối lâm lộc trên phần diện tích đất trên.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: nguyên đơn Ông Trần Quốc T (tức Trần H) phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tổng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Xác nhận ông T5 là người được ủy quyền của Ông T đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

Bị đơn là ông Trần Hồng Q thanh toán số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản cho ông Trần Quốc T (tức Trần H) là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

[4] Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Trần Quốc T (tức Trần H)

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án) để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- THA tỉnh Phú Thọ;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Ái